

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 212/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Hữu T chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 08/7/2008, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn thấy hạnh phúc khi sống cùng nhau, ông T thường xuyên uống rượu và chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, hiện nay ông bà đã sống ly thân với nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà Lê Thị B xin được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung Nguyễn

Hữu N, sinh ngày 06/5/2008; Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2012. Khi ly hôn thì bà B tôn trọng theo nguyện vọng của con chung, con chung Nguyễn Hữu N có nguyện vọng được sống cùng với bà B thì bà B đồng ý nuôi dưỡng, con chung Nguyễn Hữu Đ có nguyện vọng sống cùng với ông T thì bà B đồng ý cho ông T nuôi dưỡng, mỗi người nuôi 01 con chung thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị B chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc, mâu thuẫn chỉ mới bắt đầu phát sinh từ cuối năm 2021, do bà B hay đi sớm về khuya, ông có la mắng thì bà B dọn ra khỏi nhà và ông bà đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Ông mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do bà B đã kiên quyết ly hôn nên ông đồng ý theo yêu cầu của bà B, ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/5/2008; Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2012. Khi ly hôn thì ông T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, bà B kiên quyết ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị B đối với ông Nguyễn Hữu T; về con chung: Các con chung đã trên 07 tuổi, theo Biên bản lấy lời khai ông T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, tuy nhiên con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/5/2008 có nguyện vọng được sống cùng với bà B, con chung Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2012 có nguyện vọng được sống cùng với ông T nên đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/5/2008 cho bà B nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2012 cho ông T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Dương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại ấp B, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị

Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Lê Thị B và bị đơn ông Nguyễn Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Hữu T là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tình nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 08/7/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn thấy hạnh phúc khi sống cùng nhau, ông T thường xuyên uống rượu và chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, hiện nay ông bà đã sống ly thân với nhau. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn chỉ mới bắt đầu phát sinh từ cuối năm 2021, do bà B hay đi sớm về khuya, ông có la mắng thì bà B dọn ra khỏi nhà và ông bà đã sống ly thân với nhau. Nay bà B kiên quyết ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

[4] Tại Biên bản xác minh đại diện chính quyền địa phương xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thì địa phương không nắm rõ do nguyên đơn và bị đơn giải quyết nội bộ với nhau, không yêu cầu địa phương giải quyết.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Lê Thị B và bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng ông T xin vắng mặt, bà B cũng không muốn quay về sống chung với ông T. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, bị đơn cũng đồng ý ly hôn nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/5/2008; Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2012, các con chung đã trên 07 tuổi nên nguyên đơn tôn trọng theo nguyện vọng của con, bị đơn xin được nuôi 02 con chung. Tại Bản tự khai ngày 12/7/2022 cháu Nhân có nguyện vọng sống cùng bà B, cháu Đức có nguyện vọng sống cùng với ông T nên HĐXX giao con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/5/2008 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2012 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà B, ông T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu N, sinh ngày 06/5/2008 cho bà Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 17/3/2012 cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà B và ông T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của bà Lê Thị B và ông Nguyễn Hữu T. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0008353 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Khoa